

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
của Dự án đầu tư Khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường  
mỏ Vĩnh An, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh An tại Văn bản số 17/CV-VA ngày 09 tháng 6 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 548/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2026.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Vĩnh An, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh An (sau đây gọi là *Chủ dự án*) thực hiện tại xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Chiêm Hóa; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh An và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (02 bản chính);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (bản chính);
- Công ty TNHH Vĩnh An;  
(nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Tuấn Anh).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Gia Long**

**Phụ lục:****CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC ĐẤT SÉT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG MỎ VĨNH AN, XÃ CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang)

**1. Thông tin về dự án****1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Đầu tư Khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Vĩnh An, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh An.

**1.2. Quy mô, công suất***a) Trữ lượng*

Trữ lượng khai thác cấp 122: **369.375** m<sup>3</sup>.

*b) Quy mô công suất*

Công suất khai thác: 40.000 m<sup>3</sup>/năm.

*c) Tuổi thọ mỏ: 10 năm.***1.3. Công nghệ sản xuất**

Công nghệ khai thác: Sử dụng công nghệ khai thác bốc xúc và vận chuyển trực tiếp bằng ô tô về khu vực nhà máy sản xuất gạch Hồng Đăng.

**1.4. Phạm vi****1.4.1. Phạm vi diện tích dự án**

Dự án đầu tư khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Vĩnh An, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thuộc địa phận xã Trung Hoà, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang), cách trung tâm xã Chiêm Hoá khoảng 2,5 km về phía Nam.

- Diện tích khu vực khai trường khai thác mỏ là 3,7 ha được giới hạn bởi các điểm khép góc, có tọa độ như sau:

Tên điểm	Tọa độ các điểm góc (Hệ toạ độ VN 2000 - KTT 106 <sup>0</sup> , MC 3 <sup>0</sup> )		Diện tích
	X (m)	Y (m)	
1	2447930	424650	3,7 ha
2	2447803	424691	
3	2447765	424550	
4	2447625	424588	
5	2447580	424440	
6	2447715	424410	
7	2447810	424545	

## **1.4.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

### *1.4.2.1. Các hạng mục công trình của dự án*

Các công trình như: nhà điều hành mỏ, nhà làm việc nhà ăn, khu vệ sinh, kho vật tư... sử dụng chung với Nhà máy gạch Hồng Đăng nên tại khai trường chỉ bố trí 01 bồn bảo vệ di động (10 m<sup>2</sup>). Ngoài ra, khu vực dự án khi được cấp phép cũng lắp đặt và xây dựng ngay các hạng mục sau:

- Lắp đặt 01 trạm cân điện tử kết hợp hệ thống camera giám sát 24/7 tại cổng ra vào mỏ (khu vực tiếp giáp nhà máy gạch).
- Hệ thống thoát nước mặt bằng bố trí đồng bộ với hệ thống thoát nước mỏ.
- Hệ thống đường nội bộ được thiết kế phù hợp với loại phương tiện vận tải sử dụng. Các sân bãi tập kết khoáng sản, vật tư được bố trí hợp lý, bảo đảm thuận tiện.
- Bãi thải đất đá.

### *1.4.2.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường*

- Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn, hồ lắng thu gom nước mưa;
- Xe ô tô sử dụng tecz nước 5m<sup>3</sup> để phun nước dập bụi trên tuyến đường;
- Bãi thải có hệ thống thoát nước bề mặt riêng biệt (các rãnh thoát nước dọc theo chân và sườn bãi thải, dẫn nước mưa ra khu vực tiếp nhận chung).
- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Sử dụng 01 hệ thống bể tự hoại Bastaf cải tiến thể tích 10m<sup>3</sup> hiện hữu tại nhà máy gạch Hồng Đăng. Bể được thiết kế 3 ngăn (*ngăn tiếp nhận, ngăn lắng, ngăn lọc*) kết hợp bể khử trùng bằng hóa chất Chlorine.

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và thông thường: Sử dụng khu vực tập kết rác thải diện tích 20 m<sup>2</sup> tại nhà máy gạch Hồng Đăng. Khu vực này có nền bê tông, mái che kín, trang bị các thùng chứa 50L - 100L có nắp đậy.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH): Sử dụng chung kho CTNH diện tích 10 m<sup>2</sup> nằm trong khu vực xưởng cơ khí của nhà máy gạch Hồng Đăng. Kho xây dựng kiên cố, nền bê tông chống thấm, có gờ rãnh chống tràn dầu, cửa có khóa an toàn, có gắn biển cảnh báo và dán tem nhãn mã CTNH đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

*1.4.2.3. Các hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường, bao gồm:* Hoạt động khai thác đất sét sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược dung tích gầu E = 1,2 m<sup>3</sup> để xúc đất từ mỏ, chất tải lên ô tô tự đổ để vận chuyển đưa về khu tập kết của nhà máy gạch Hồng Đăng.

## **1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án**

Căn cứ theo khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Dự án không có yêu

tổ nhạy cảm về môi trường. Tuy nhiên, quá trình khai thác đất sét làm vật liệu xây dựng của Dự án tiềm ẩn nguy cơ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân làm việc tại Dự án, thay đổi bề mặt địa hình của khu vực (thảm thực vật cùng với khu hệ thực vật (*sinh khối thực vật, các cá thể thực vật và các loài thực vật*)) khu vực dự án.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Hoạt động thi công xây dựng: Thi công đường nội bộ, mở vỉa, tạo mặt bằng khai thác,...

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, vận chuyển sản phẩm tác động đến môi trường không khí khu vực tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động của công nhân thi công: Nước thải và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tác động đến môi trường không khí, nước, đất khu vực dự án.

- Dự án đi vào vận hành hoạt động ổn định: Hoạt động xúc bốc vận chuyển trong khu vực mỏ; sinh hoạt của công nhân tại mỏ gây tác động đến môi trường không khí, nước, đất, hệ sinh thái và con người; hoạt động đốt cháy nhiên liệu của các xe vận chuyển sản phẩm; tiếng ồn, độ rung do hoạt động trong khai thác và từ phương tiện vận chuyển,...

- Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Phát sinh bụi, khí thải, ồn, rung, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn trong quá trình san lấp, san gạt, cải tạo mặt bằng, khơi thông rãnh thoát nước khu vực mỏ,...

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án**

### **3.1. Giai đoạn thi công xây dựng (xây dựng cơ bản mỏ)**

#### **3.1.1. Khí thải, nước thải**

##### **3.1.1.1. Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải**

a) Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.

b) Quy mô, khối lượng phát thải

- Lượng nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 1,2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Do sinh hoạt của công nhân được thực hiện bên nhà máy gạch Hồng Đăng do đó lượng nước thải sinh hoạt phát sinh này chủ yếu ở bên khu vực nhà máy gạch Hồng Đăng.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng tại khu vực dự án khoảng 0,253 (m<sup>3</sup>/s); thành phần nước mưa chủ yếu cuốn theo chất rắn lơ lửng, đất, cát.

##### **3.1.1.2. Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải**

a) Nguồn phát sinh

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động thi công đường nội bộ, mở vỉa, tạo mặt bằng khai thác,... các công trình phụ trợ bổ sung (san gạt, đào đắp).

### b) Quy mô, tính chất bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động xúc bốc, vận chuyển trong khu vực khai thác thành phần chủ yếu là bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.
- Bụi phát sinh từ hoạt động đổ đất đá vào bãi tập kết, bãi thải.

### **3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại**

#### **3.1.2.1. Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt**

- Nguồn phát sinh: Chất thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân và chất thải rắn thông thường.

- Khối lượng khoảng 9,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm các chất hữu cơ, giấy vụn các loại, nylon, nhựa, kim loại,... chất thải từ hoạt động nạo vét mương, rãnh thoát nước ước tính khoảng 5 m<sup>3</sup>/lần nạo vét phần bùn nạo vét chủ yếu là đất đá có kích thước nhỏ bị rửa trôi, xác thực vật bị phân hủy không chứa các thành phần nguy hại.

#### **3.1.2.2. Nguồn phát sinh, tính chất của CTR công nghiệp thông thường**

Lượng chất thải rắn giai đoạn này chủ yếu là đất phủ với khối lượng 9.618 m<sup>3</sup> (nguyên khối). Lượng đất này một phần dự kiến huy động vào khai thác của mỏ 5.770 m<sup>3</sup> cung cấp cho nhà máy gạch Hồng Đăng. Vì vậy, khối lượng đất thải là 3.848 m<sup>3</sup> (~4.579,12 m<sup>3</sup> nguyên khai) là lượng đất thải của toàn dự án trong quá trình khai thác.

#### **3.1.2.3. Nguồn phát sinh, tính chất của chất thải nguy hại**

- Khối lượng phát sinh: Khoảng 75 kg cho cả giai đoạn thi công xây dựng.
- Thành phần gồm: Giẻ lau, đầu que hàn các mối kim loại,..

### **3.1.3. Tiếng ồn, độ rung**

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các máy móc thi công và các phương tiện vận tải ra vào mỏ.

### **3.1.4. Các tác động khác**

- Tác động đến hệ sinh thái: Làm thay đổi bề mặt địa hình, làm mất đi vẻ tự nhiên của khu vực (thảm thực vật cùng với khu hệ thực vật bao gồm sinh khối thực vật, các cá thể thực vật và các loài thực vật).

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực: Tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập, ổn định chất lượng cuộc sống cho công nhân lao động, góp phần thúc đẩy ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh phát triển, tăng doanh thu cho công ty, cũng như tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương và thực hiện tốt các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Tuy nhiên, các rủi ro, sự cố có thể xảy ra như: Nảy sinh tệ nạn xã hội; ảnh hưởng đời sống sinh hoạt, sức khỏe của các hộ dân xung quanh khu vực khai thác.

## **3.2. Giai đoạn vận hành**

### **3.2.1. Nước thải, khí thải**

#### **3.2.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải**

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên làm việc tại mỏ khoảng 1,2 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa chảy tràn khu vực dự án là 0,253(m<sup>3</sup>/s); thành phần nước mưa chủ yếu cuốn theo chất rắn lơ lửng, đất, cát.

### **3.2.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải**

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khai thác xúc bốc vận chuyển trong khu vực khai thác thành phần chủ yếu là bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

- Khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác.

### **3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại**

#### **3.2.2.1. Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt**

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại mỏ và chất thải rắn thông thường.

- Khối lượng phát sinh khoảng 9,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: các chất hữu cơ, giấy vụn các loại, nylon, nhựa, kim loại,...chất thải từ hoạt động nạo vét mương, rãnh thoát nước ước tính khoảng 5m<sup>3</sup>/lần nạo vét phần bùn nạo vét chủ yếu là đất đá có kích thước nhỏ bị rửa trôi, xác thực vật bị phân hủy không chứa các thành phần nguy hại.

#### **3.2.2.2. Nguồn phát sinh, tính chất của CTR công nghiệp thông thường**

Lượng chất thải rắn giai đoạn này chủ yếu là đất phủ khối lượng 9.618 m<sup>3</sup> (nguyên khối). Lượng đất này một phần dự kiến huy động vào khai thác của mỏ 5.770m<sup>3</sup> cung cấp cho nhà máy gạch Hồng Đăng. Vì vậy, khối lượng đất thải là 3.848 m<sup>3</sup> (~4.579,12 m<sup>3</sup> nguyên khai) đây cũng là lượng đất thải của toàn dự án trong quá trình khai thác.

#### **3.2.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại**

- Khối lượng phát sinh: Khoảng 75 kg/năm.

- Thành phần gồm: Dầu mỡ thải bỏ, pin thải,...

### **3.2.3. Tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động máy móc, thiết bị và các phương tiện làm việc tại khu vực mỏ.

### **3.2.4. Các tác động khác**

- Tác động đến hệ sinh thái: Làm thay đổi bề mặt địa hình, làm mất đi vẻ tự nhiên của khu vực.

- Tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập, ổn định chất lượng cuộc sống cho công nhân lao động, góp phần thúc đẩy ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh phát triển, tăng doanh thu cho công ty, cũng như tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương và thực hiện tốt các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Tuy nhiên, các rủi ro, sự cố có thể xảy ra như: Nảy sinh tệ nạn xã hội; ảnh hưởng đời sống sinh hoạt, sức khỏe của các hộ dân xung quanh khu vực khai thác.

### 3.3. Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ

Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường, công ty sẽ sử dụng khối lượng đất phủ của bãi thải để san gạt tạo mặt bằng cho khu vực mỏ và tiến hành trồng cây xanh toàn bộ khu vực mỏ.

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

#### 4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

##### a) Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại Bastaf cải tiến có dung tích 10 m<sup>3</sup> (đã được xây dựng bên nhà máy gạch Hồng Đăng).

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng hệ thống rãnh thoát nước trên các tầng khai thác (tiết diện ngang rãnh 0,5x0,7x0,5m); Hồ thu nước cục bộ tại các vị trí trũng (kích thước 2,5x4x1m); Máy bơm di động phục vụ thoát nước cưỡng bức khi cần thiết. Sử dụng 2 bơm ly tâm 100D45, lưu lượng 150-180 m<sup>3</sup>/h, cột áp 20-25m.

Vị trí thoát nước mưa chảy tràn có toạ độ hệ VN.2000 kinh tuyến trực 106<sup>00</sup>' múi chiều 3<sup>0</sup> ở 02 vị trí như sau: X=2447599, Y=424595 Và X=2447592, Y=424574. Nguồn tiếp nhận là sông Gâm.

##### b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Sử dụng 01 hệ thống bể tự hoại Bastaf cải tiến thể tích 10 m<sup>3</sup> hiện hữu tại nhà máy gạch Hồng Đăng. Bể được thiết kế 3 ngăn (*ngăn tiếp nhận, ngăn lắng, ngăn lọc*) kết hợp bể khử trùng bằng hóa chất Chlorine, đảm bảo nước thải đầu ra đạt QCVN 14:2025/BTNMT (Cột B) trước khi thoát ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn tiếp tục được thu gom bằng hệ thống rãnh thoát nước trên các tầng khai thác (tiết diện ngang rãnh 0,5x0,7x0,5m); Hồ thu nước cục bộ tại các vị trí trũng (kích thước 2,5x4x1m); Máy bơm di động phục vụ thoát nước cưỡng bức khi cần thiết. Sử dụng 2 bơm ly tâm 100D45, lưu lượng 150-180 m<sup>3</sup>/h, cột áp 20-25m.

#### 4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên tưới ẩm trên các tuyến đường vận chuyển nội bộ với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày để giảm phát tán bụi (tần suất tùy thuộc vào mùa). Bố trí 01 xe bồn tưới nước dập bụi đường tiến hành tưới nước. Khi vận chuyển qua khu vực dân cư các xe phải được phủ kín bằng bạt, chạy đúng tốc độ quy định.

- Kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, động cơ, máy móc định kỳ để hiệu suất đốt là cao nhất, giảm thiểu lượng khí thải và giảm tiếng ồn.

*Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng

không khí và các biện pháp đảm bảo môi trường không khí khu vực làm việc theo quy định hiện hành.

## **4.2. Các công trình, biện pháp quản lý CTR, chất thải nguy hại**

### **4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường**

#### **a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt**

Các hoạt động sinh hoạt của người lao động đều phát sinh bên khu vực nhà máy gạch Hồng Đăng. Tại khu vực dự án công ty sẽ bố trí 01 thùng đựng rác thải sinh hoạt dung tích 50 lít có nắp đậy cạnh khu vực nhà bảo vệ và hàng ngày sẽ được công nhân thu gom tập kết về nhà máy gạch Hồng Đăng để đơn vị thu gom xử lý rác do công ty đã hợp đồng thuê vận chuyên, xử lý theo quy định.

#### **b) Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường**

Với lượng đất đá thải toàn mỏ là 4.579,12 m<sup>3</sup> (nguyên khai) được gom gọn trên mặt tầng đã khai thác sau mỗi năm. Đến cuối quá trình khai thác sẽ phục vụ hoàn nguyên của dự án.

Trong quá trình đổ thải, đất đá được san gạt, tạo mặt tầng và rãnh thoát nước tạm thời, hạn chế xói lở và sạt trượt, đặc biệt trong mùa mưa. Việc đổ thải được kết hợp với công tác cải tạo, phục hồi môi trường từng phần theo tiến độ khai thác.

### **4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại**

Khối lượng CTNH phát sinh trong năm khoảng 75 kg sẽ được thu gom thường xuyên tập kết về kho lưu chứa chất thải nguy hại của nhà máy gạch Hồng Đăng.

Kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích khoảng 10 m<sup>2</sup> nằm trong khu vực xưởng cơ khí của nhà máy gạch Hồng Đăng có dán tem nhãn và biển báo đáp ứng các yêu cầu về đảm bảo an toàn theo quy định của pháp luật. Khi khối lượng chất thải nguy hại đủ lớn sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định của pháp luật.

## **4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo đúng quy định.
- Bảo dưỡng định kỳ các máy thi công, phương tiện vận chuyển làm việc tại dự án và dây chuyền chế biến.
- Trang bị bảo hộ cho cán bộ, công nhân tham gia khai thác trên công trường như: kính bảo vệ mắt, găng tay, nút tai, quần áo bảo hộ lao động...
- Kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, động cơ, máy móc định kỳ để hiệu suất đột là cao nhất, giảm tiếng ồn.

*Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

#### **4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

##### **4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

###### **4.4.1.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường**

Thực hiện cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác mỏ.

###### **a) Cải tạo khu vực khai trường (bao gồm bãi thải nằm trong diện tích khai trường)**

- *San gạt, tạo mặt bằng*: Toàn bộ diện tích khu vực moong khai thác (27.500 m<sup>2</sup>) và san gạt đất màu với chiều dày 0,3 m để trồng cây xanh phục hồi môi trường bằng thực hiện công đoạn làm tơi đất và san gạt với khối lượng khoảng 4.908 m<sup>3</sup>. Hoạt động cải tạo phục hồi này được thực hiện đồng thời trong quá trình khai thác (khai thác đến đâu thực hiện san gạt, tạo mặt bằng đến đó). Thực hiện vào năm cuối cùng theo thiết kế khai thác của mỏ và thực hiện trồng cây với số lượng 5.021 cây.

- *Gia cố sườn tầng*: Khu vực sườn tầng (9.500 m<sup>2</sup>) được giữ nguyên, chủ đầu tư thực hiện gia cố, cải tạo sườn tầng trong quá trình khai thác để đảm bảo không xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động.

- *Lắp biển cảnh báo*: Công ty sẽ cấm biển cảnh báo và ghi chi tiết các thông số kỹ thuật khu vực sườn tầng sau khi kết thúc khai thác để người dân trong khu vực được biết với số lượng 05 biển cảnh báo.

###### **b) Cải tạo, phục hồi khu vực phụ trợ và khu vực xung quanh phục vụ khai thác**

Dự án không có khu vực phụ trợ do đó không thực hiện công tác này.

*Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý chất thải trong quá trình cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

###### **c, Đối với khu vực xung quanh ngoài biên giới mỏ**

Trong quá trình hoạt động của mỏ, đơn vị cam kết thực hiện nghiêm túc theo đúng thiết kế khai thác, chỉ khai thác trong khu vực ranh giới mỏ được cấp phép không gây ảnh hưởng tới các khu vực ngoài biên giới mỏ.

###### **4.4.1.2. Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ**

- Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường: 640.031.425 đồng. (Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

- Số tiền ký quỹ lần đầu (15%): 128.006.285 đồng.

- Số tiền ký quỹ những năm tiếp theo: 56.891.682 đồng (Số tiền ký quỹ hàng năm bao gồm yếu tố trượt giá sẽ được công ty tự kê khai, nộp tiền ký quỹ, thông báo cho Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang và được Công ty nộp cùng với số tiền ký quỹ hàng năm của Dự án).

- Thời điểm ký quỹ: Thực hiện ký quỹ lần đầu tiên được thực hiện trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ. Từ lần thứ hai trở đi, thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang.

#### **4.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

##### ***a. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường***

Quá trình cải tạo, phục hồi môi trường diễn ra hoạt động vận chuyển đất, san gạt làm phát sinh bụi, khí thải. Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Phun tưới nước làm ẩm khu vực san gạt.
- Bố trí xe phun nước tưới đường với tần suất 1-2 lần/ngày hoặc điều chỉnh tần suất phù hợp tùy tình hình thực tế.
- Xe chở nguyên vật liệu được che bạt kín, không chở quá tải.
- Thiết bị, máy móc thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng; điều chỉnh xe, thiết bị làm việc ở điều kiện tốt nhất.
- Duy trì công tác vệ sinh tại khu vực thực hiện Dự án.
- Sắp xếp lịch thi công hợp lý, tránh diễn ra cùng lúc các hoạt động vận chuyển để giảm thiểu tác động cộng hưởng.

##### ***b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường***

- Sự cố sạt lở: Thực hiện đúng kỹ thuật, giám sát chặt chẽ các giai đoạn thực hiện của dự án; Duy trì kinh phí dự phòng để khắc phục sự cố; Thường xuyên giám sát tại các vị trí thi công; Khi có sự cố xảy ra, kịp thời thông báo với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan đồng thời huy động sử dụng các phương tiện để thực hiện công tác khắc phục sự cố.

- Sự cố đối với cây trồng không phát triển hoặc chết: Thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình sinh trưởng trong giai đoạn đầu của cây; Trồng dặm những cây chết, không có khả năng phát triển tiếp.

- Sự cố thiên tai: Theo dõi diễn biến về thời tiết để xây dựng phương án phòng chống mưa bão, lũ lụt tại khu vực.

##### ***c. Các yêu cầu về san gạt, quản lý bảo vệ công trình cải tạo môi trường***

Sau khi kết thúc khai thác, mặt bằng khai trường và các khu vực phụ trợ cần được san gạt phẳng, tạo độ dốc hợp lý bảo đảm thoát nước tự nhiên, không để tồn tại hố sâu, điểm trũng gây tụ nước hoặc tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho con người và vật nuôi. Các sườn dốc, bờ moong được xử lý ổn định, hạn chế xói mòn, sạt lở. Đồng thời, tiến hành phủ đất màu và trồng cây xanh để phục hồi môi trường.

#### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án**

Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát về môi trường, các giám sát khác và giám sát giao đoạn cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định.

##### **a, Giám sát về môi trường**

Theo hướng dẫn tại mục 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải, khí thải.

b, Giám sát khác

- Giám sát chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; Giám sát về khối lượng phát sinh tại vị trí lưu giữ.

- Giám sát khác: Giám sát hiện tượng trượt, sạt, khu vực khai thác; lún, nứt, sạt lở mỏ và mái taluy với tần suất hàng ngày và thực hiện các phương án xử lý kịp thời khi có các hiện tượng trượt sạt, sụt lún, sạt lở xảy ra để đảm bảo an toàn cho công nhân khai thác cũng như người dân sống xung quanh khu vực mỏ; tần suất thực hiện: Hàng ngày.

c, Giám sát giao đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

Giám sát tiến độ thực hiện tháo dỡ và di dời các công trình sau khi kết thúc, chất thải rắn là phế liệu sau tháo dỡ công trình, độ an toàn của bờ moong và sườn tầng.

Giám sát quá trình san gạt và đổ đất, trồng cây xanh cải tạo môi trường.

Tần suất thực hiện: Thường xuyên, trong thời gian thực hiện các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

**6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh An chịu trách nhiệm:

6.1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

6.2. Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn tại bãi thải, không làm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

6.3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng, vận hành các hạng mục công trình của Dự án, trong đó:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt đảm bảo đạt Quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án, bảo đảm chất lượng môi trường xung quanh mỏ đáp ứng QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

- Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

6.4. Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường khác và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.

6.5. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công, khai thác mỏ phù hợp để hạn chế tối đa các tác động tiêu cực tới cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác tại khu vực trong quá trình hoạt động Dự án. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án.

6.6. Thực hiện việc thống kê, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản theo đúng quy định tại Điều 59 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

6.7. Thực hiện đầy đủ biện pháp rào chắn những nơi nguy hiểm có người và phương tiện hoạt động trong quá trình khai thác và sau khi kết thúc khai thác như: lắp đặt hàng rào cột bê tông, dây thép gai bao quanh khu vực khai thác đảm bảo an toàn cho người và gia súc,..; giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

6.8. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố môi trường về chất thải cấp cơ sở của dự án, công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, tổ chức diễn tập ứng phó sự cố môi trường; tổ chức ứng phó sự cố môi trường, thực hiện phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 124 Luật Bảo vệ môi

trường, Điều 108, 109, 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP), Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải.

6.9. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để bảo đảm an ninh, trật tự; phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án.

6.10. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên nước, bảo vệ và phát triển rừng, địa chất và khoáng sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

6.11. Chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

6.12. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, tài liệu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.